

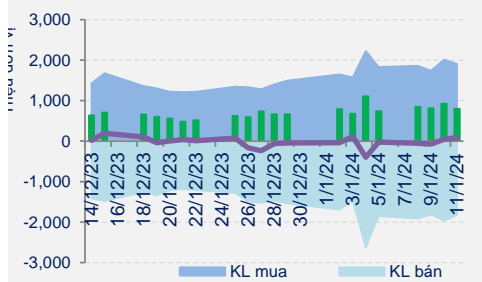
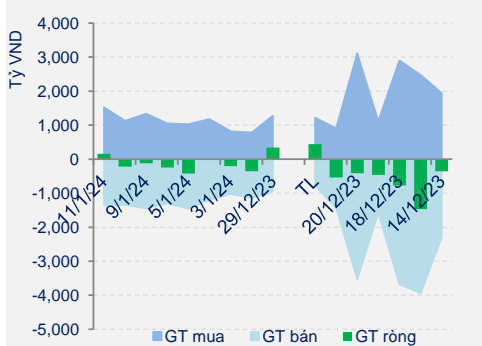
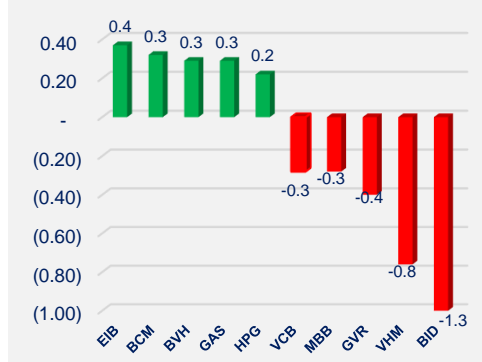
# MARKET LENS

11/1/2024

## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,162.22	232.71
% Thay đổi	↑ 0.06%	↑ 0.56%
KLGD (CP)	800,064,580	83,050,100
GTGD (tỷ đồng)	17,279.11	1,558.76
Tổng cung (CP)	1,816,663,000	144,204,400
Tổng cầu (CP)	1,906,606,451	128,798,400

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	43,641,810	4,784,078
KL mua (CP)	59,462,423	1,995,200
GT mua (tỷ đồng)	1,523.84	78.37
GT bán (tỷ đồng)	1,368.78	97.46
GT ròng (tỷ đồng)	155.06	(19.09)

**Tương quan cung cầu HOSE**

**Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE**

**Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX**


Sau phiên giao dịch khá đột biến của nhóm ngân hàng, VN-INDEX tiếp tục rung lắc tích lũy trong phiên hôm nay kiểm tra lại vùng hỗ trợ quanh 1.150 điểm, tương ứng MA-200 đồ thị tuần. Trong phiên dưới ảnh hưởng tích cực của nhóm ngân hàng VN-INDEX tiếp tục tăng lên vùng giá 1.170 điểm, sau đó áp lực điều chỉnh gia tăng, VN-INDEX điều chỉnh về vùng 1.155 điểm và phục hồi trở lại khi kết phiên tăng nhẹ 0,68 điểm (+0,06%) lên mức 1.162.22 điểm, duy trì trên vùng giá cao nhất tháng 10/2023. HNX-INDEX tăng 1,30 điểm (+0,56%) lên mức 232,71 điểm. Độ rộng trên 02 sản niêm yết tích cực trở lại với nhiều mã vốn hóa trung bình nhỏ phục hồi tốt sau những phiên chịu áp lực bán với 339 mã tăng giá (08 mã tăng trần), 305 mã giảm giá (10 mã giảm sàn) và 173 mã giữ giá tham chiếu.

Thanh khoản trên hai sàn niêm yết đạt 18,830,66 tỷ đồng, giảm 17,48% so với phiên trước, duy trì trên mức trung bình, phần lớn do thanh khoản giảm khá mạnh trong nhóm VN30, ngân hàng sau diễn biến đột biến phiên trước. Khối ngoại gia tăng giao dịch và đã mua ròng trở lại sau 07 phiên liên tiếp bán ròng, giá trị mua ròng 155,06 tỷ đồng, tập trung ở các mã ngân hàng, thép... bán ròng trên HNX với giá trị gia tăng 19,09 tỷ đồng.

Ngân hàng Nhà nước mới đây đã ban hành Thông tư số 22/2023/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung Thông tư số 41/2016/TT-NHNN, có hiệu lực từ ngày 01/07/2024. Theo đó hệ số rủi ro của các khoản cho vay đối với các dự án bất động sản khu công nghiệp sẽ giảm từ 200% xuống 160%, nhưng các dự án bất động sản khác vẫn bị áp hệ số rủi ro là 200% như quy định cũ. Hệ số rủi ro tín dụng áp dụng cho khoản cho vay thế chấp mua nhà ở xã hội, mua nhà ở theo các chương trình, dự án hỗ trợ của Chính phủ được quy định từ 20%-50% (so với hệ số rủi ro tín dụng đối với khoản vay thế chấp thông thường là 25%-100%).

Nhóm cổ phiếu ngân hàng sau phiên có khối lượng giao dịch đột biến đã phân hóa, áp lực điều chỉnh nhẹ ở các mã đã tăng giá tốt trong vùng quá mua như BID (-1,90%), MBB (-1,20%), TCB (-0,73%), VCB (-0,22%)... trong khi vẫn luân chuyển gia tăng tích cực sang các mã khác, đột biến với KLB (+6,72%), EIB (+4,19%), ABB (+2,41%), OCB (+1,71%)....

Nhóm cổ phiếu dịch vụ tài chính chứng khoán cũng có diễn biến tích cực từ đầu phiên, thanh khoản gia tăng mạnh khá đột biến khi công ty chứng khoán đầu tiên MBS công bố kết quả kinh doanh tích cực so với cùng kỳ MBS (+3,08%), BVS (+1,96%), AGR (+1,51%), FTS (+1,48%)...

Các cổ phiếu dầu khí tiếp tục phục hồi tốt trở lại sau giai đoạn chịu áp lực điều chỉnh, nhưng thanh khoản vẫn chưa cải thiện tốt, dưới mức trung bình như PSH (+6,92%), PVS (+1,92%), PLX (+1,72%), PVC (+0,68%)... một số cổ phiếu điện cũng có diễn biến nổi bật với NT2 (+3,59%), POW (+2,19%)...

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2401 tăng 5 điểm (+0,43%), chênh lệch dương gia tăng +4,54 điểm so với VN30, khối lượng giao dịch tăng, cho thấy các vị thế đầu cơ trong phiên gia tăng trở lại. Xu hướng ngắn hạn VN30F2401 vẫn tích cực trên vùng hỗ trợ gần nhất quanh 1.155 điểm, nhưng đang gặp vùng kháng cự mạnh 1.166 điểm - 1.169 điểm vùng giá cao nhất tháng 10.2023. Các kỳ hạn VN30F2402, VN30F2403, VN30F2406 chênh lệch từ -0,56 điểm đến 1,54 điểm, các mức chênh lệch thu hẹp, thể hiện các trader vẫn rất lạc quan về xu hướng tăng ngắn hạn của VN30 và đang phòng ngừa rủi ro giảm điểm của VN30 khi ngắn hạn VN30 đang trong vào vùng quá mua.

**NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG**


Thị trường tiếp tục diễn biến rung lắc như dự báo khi áp lực bán chốt lãi tại vùng giá cao gia tăng. VnIndex đang chững lại đà tăng khi chốt phiên chỉ tăng +0,68 điểm (+0,06%) và đóng cửa ở 1.162,22 điểm, vẫn vận động chặt chẽ trên vùng hỗ trợ 1.150 điểm. Xu hướng ngắn hạn của thị trường vẫn đang duy trì ở mức tích cực nhưng có thể sẽ kiểm định lại ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn, chúng tôi kỳ vọng sau nhịp rung lắc này Vn-Index sẽ tiếp tục tiến vào khu vực kỳ vọng tích lũy trung hạn trong biên độ 1.150 điểm - 1.250 điểm và thời gian tích lũy trung hạn trong khu vực này dự báo sẽ kéo dài.

Thị trường đang trong nhịp tăng ngắn hạn và Vn-Index có thể tiếp tục rung lắc quanh ngưỡng cản 1.160 điểm, ngưỡng hỗ trợ gần của chỉ số là 1.150 điểm. Nhà đầu tư ngắn hạn nên giữ tỷ trọng ở mức trung bình và hạn chế mua đuổi giá cao trong các phiên tăng mạnh. Với nhà đầu tư trung, dài hạn, thị trường đang dần củng cố và hình thành nền tảng tích lũy nhưng quá trình này sẽ kéo dài, nhà đầu tư trung dài hạn hoàn toàn có thể giải ngân trong các nhịp điều chỉnh nhưng với quan điểm mua tích lũy dần vì thời điểm hình thành uptrend mới sẽ còn khá dài.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



## MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

11/1/2024

## DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu	T.trường Lợi nhuận	
DPM	33.55	31-33	38-39	29	8.4	-17.2%	-93.6%	Theo dõi giải ngân
DRC	27.15	25-26.3	29.5-30.5	23	13.8	-17.0%	-1.8%	Theo dõi giải ngân

## DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
1/11/2023	BVS	26.00	22.3	28-28.5	25	16.6%	Nắm giữ
1/11/2023	DTD	25.30	18.6	28-29	24.5	36.0%	Nắm giữ
8/11/2023	PHR	49.55	45.1	52-53	48	9.9%	Nắm giữ
19/12/2023	KBC	31.70	30.2	34-35	31	5.0%	Nắm giữ
20/12/2023	PVD	27.00	27.55	30-31	26.5	-2.0%	Nắm giữ
27/12/2023	TNH	19.60	18.09	23-24	19	8.3%	Nắm giữ
4/1/2024	VSC	30.50	29.55	34-35	30	3.2%	Nắm giữ



**TIN VĨ MÔ**

**Chuyên gia HSBC: Vượt qua châu Á, Việt Nam sẽ có thêm nhiều nhất người sở hữu tài sản trên 250 nghìn USD**

Việt Nam cũng sẽ chứng kiến thay đổi nhiều nhất về tỷ lệ người trưởng thành có tài sản trị giá trên 250.000 USD, vượt qua hầu hết các nền kinh tế ở châu Á... Chia sẻ tại Diễn đàn thường niên lần thứ 16 Kịch bản Kinh tế Việt Nam 2024 - Vietnam Economic Scenarios do Tạp chí Kinh tế Việt Nam - VnEconomy - Vietnam Economic Times và Bộ Ngoại giao phối hợp tổ chức sáng ngày 11/01/2024, ông Ahmed Yeganeh, Giám đốc toàn quốc Khối Dịch vụ Ngân hàng Doanh nghiệp, HSBC nhấn mạnh: HSBC vẫn duy trì tâm thế lạc quan và tham vọng về triển vọng của Việt Nam trong những năm tới.

**NHNN sắp hạ hệ số rủi ro cho một số khoản vay bất động sản**

Theo Thông tư 22/2023/TT-NHNN, hệ số rủi ro của một số khoản vay bất động sản như nhà ở xã hội, bất động sản khu công nghiệp ... sẽ được điều chỉnh giảm hệ số rủi ro. Ngân hàng Nhà nước vừa công bố Thông tư 22/2023/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 41/2016/TT-NHNN quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Thông tư này sẽ có hiệu lực từ ngày 1/7/2024. Thông tư mới điều chỉnh bổ sung một số khái niệm, quy định trong Thông tư 41, trong đó yếu tố đáng chú ý nhất là hệ số rủi ro tín dụng (CRW) với một số khoản vay.

**Giá xăng nhích nhẹ, dầu tăng gần 400 đồng/lít**

Từ 15h00 ngày 11/1, giá xăng tăng 19-35 đồng/lít, dầu nhích lên 320 - 374 đồng/lít, tùy từng chủng loại. Mức giá này có hiệu lực từ 15h00 ngày 11/1. Đây là kỳ điều chỉnh thứ hai của năm 2024. Trước đó, kỳ điều chỉnh đầu tiên, giá xăng dầu giảm 180-500 đồng/lít, kg. Năm 2023, giá xăng RON95 đã có 38 đợt điều chỉnh, trong đó có 20 đợt tăng, 14 đợt giảm và 4 đợt giữ nguyên. Ở kỳ điều hành lần này, Liên Bộ Công Thương - Tài chính thực hiện trích lập Quỹ BOG đối với dầu mazut ở mức 300 đồng/kg (kỳ trước trích 300 đồng/kg) và không trích, chi Quỹ BOG đối với các mặt hàng xăng dầu khác.

**Thủ tướng: "2023 là năm của quy hoạch; còn 2024 cần bút phá về nguồn nhân lực, trong đó có việc đào tạo 100.000 kỹ sư bán dẫn chất lượng cao"**

Trong bối cảnh đầu tư toàn cầu sụt giảm, Việt Nam vẫn tranh thủ được sự ủng hộ của các nước và chuyển hoá thành vật chất. Sáng 11/1, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức Hội nghị tổng kết công tác năm 2023 và triển khai nhiệm vụ năm 2024. Thủ tướng Chính phủ tham dự và chỉ đạo Hội nghị. Năm 2023 là năm đầy "cảm xúc và ấn tượng, nhưng không ít những băn khoăn trăn trở, lo âu", theo lời người đứng đầu Chính phủ. Kinh tế thế giới với nhiều biến động, khi lạm phát leo ở mức cao, tăng trưởng giảm, chiến tranh dải Gaza, tấn công ở biển Đỏ,... Các vấn đề diễn ra phân mảnh, mối liên kết của các nước và chủ nghĩa đa phương bị tác động.



## TIN DOANH NGHIỆP

### Safoco (SAF) chốt quyền chia cổ tức bằng tiền mặt, tỷ lệ 30%

Ngày 24/1 tới đây, CTCP Lương thực Thực phẩm Safoco (SAF – sàn HNX) sẽ chốt danh sách cổ đông tạm ứng cổ tức năm 2023 bằng tiền mặt với tỷ lệ 30%, tức 1 cổ phiếu được nhận 3.000 đồng. Như vậy, với hơn 12 triệu cổ phiếu đang niêm yết và lưu hành, Safoco sẽ phải chi hơn 36 tỷ đồng để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu trong lần chia này. Ngày giao dịch không hưởng quyền là ngày 23/1, thời gian thanh toán cổ tức dự kiến ngày 1/2/2024. Đây là mức chia cổ tức năm 2023 đã được Safoco thông qua tại ĐHCĐ thường niên vào đầu năm và thấp hơn so với mức chia 34% bằng tiền mặt cổ tức năm 2022.

### Hơn 40 triệu cổ phiếu Cảng Quy Nhơn (QNP) chào sàn HOSE với giá tham chiếu 19.100 đồng/CP

Sở GDCK TP.HCM vừa thông báo về việc niêm yết và ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu CTCP Cảng Quy Nhơn (mã chứng khoán QNP). Theo đó, với vốn điều lệ hơn 404 tỷ đồng, Cảng Quy Nhơn sẽ đưa hơn 40,4 triệu cổ phiếu QNP niêm yết trên sàn HOSE vào ngày 18/1. Giá tham chiếu của cổ phiếu QNP trong ngày chào sàn là 19.100 đồng/CP, biên độ dao động giá trong ngày giao dịch đầu tiên là +/-20% so với giá tham chiếu.

### Thế giới Di động (MWG): Ông Nguyễn Đức Tài mua được 40% tổng cổ phiếu đăng ký

Ông Nguyễn Đức Tài tiếp tục không mua hết cổ phiếu CTCP Đầu tư Thế giới Di động (mã MWG - sàn HOSE) do diễn biến thị trường không phù hợp. Ông Nguyễn Đức Tài, Chủ tịch HĐQT Công ty Thế giới Di động vừa mua vào 200.000 cổ phiếu trong tổng đăng ký 500.000 cổ phiếu, tương ứng tỷ lệ mua thành công là 40% tổng đăng ký, nâng sở hữu từ 2,41%, lên 2,42% vốn điều lệ, giao dịch được thực hiện từ ngày 12/12/2023 đến ngày 10/1/2024. Lý do được ông Tài đưa ra khi không mua hết cổ phiếu đăng ký do diễn biến thị trường không phù hợp.

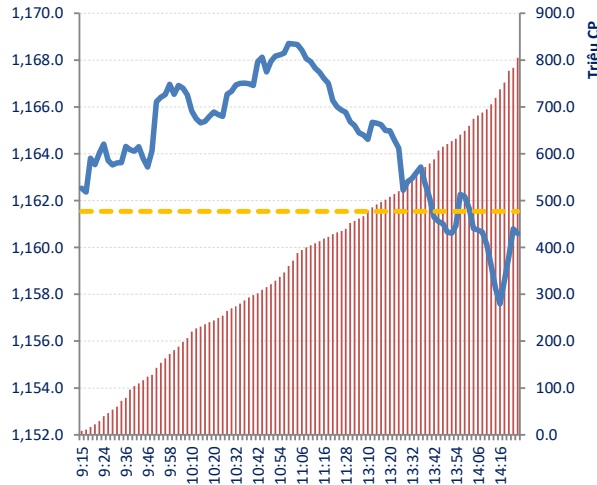
### MBS báo lãi 2023 tăng trưởng nhờ lợi nhuận cải thiện trong quý 4

CTCP Chứng khoán MB (HNX: MBS) vừa công bố báo cáo tài chính quý 4/2023 với lãi ròng gấp 2.4 lần cùng kỳ, giúp MBS kết năm với lợi nhuận tăng trưởng. MBS ghi nhận doanh thu chuyển biến tốt trong quý 4/2023, tăng 33% so với cùng kỳ, đạt 540 tỷ đồng. Hầu hết nguồn thu đều tăng mạnh. Mảng môi giới và cho vay ghi nhận doanh thu cùng tăng 26%, thu về lần lượt trên 170 tỷ đồng và gần 220 tỷ đồng. Kết thúc quý 4, MBS lãi ròng gần 173 tỷ đồng, gấp 2.4 lần cùng kỳ. Tổng kết năm, lãi ròng tăng 14%, đạt 584 tỷ đồng. Kết quả quý 4 đã giúp cải thiện kết quả cả năm 2023 vì 9 tháng đầu năm, MBS ghi nhận lãi ròng giảm 7% so với cùng kỳ.

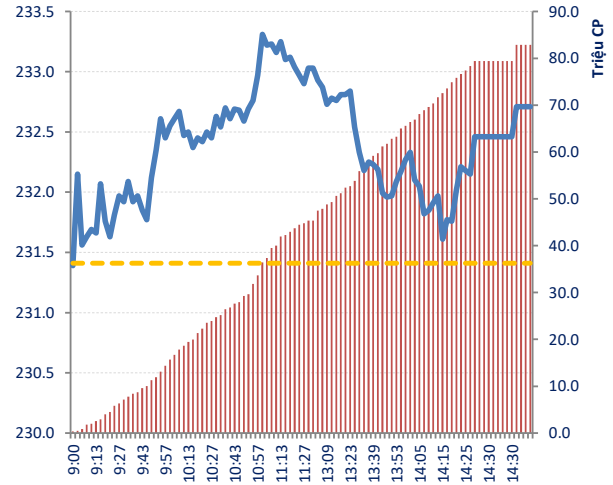


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

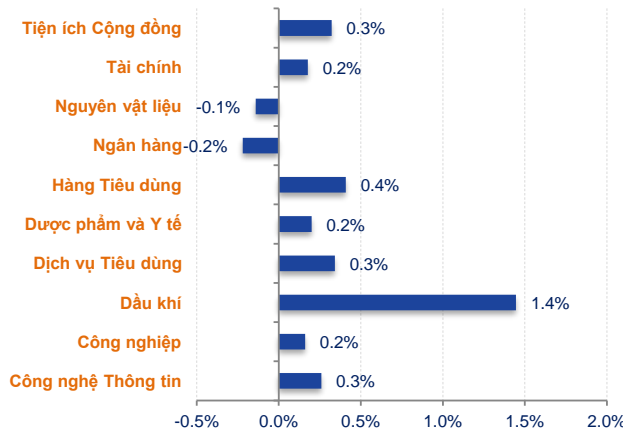
KLGD và VN-Index trong phiên



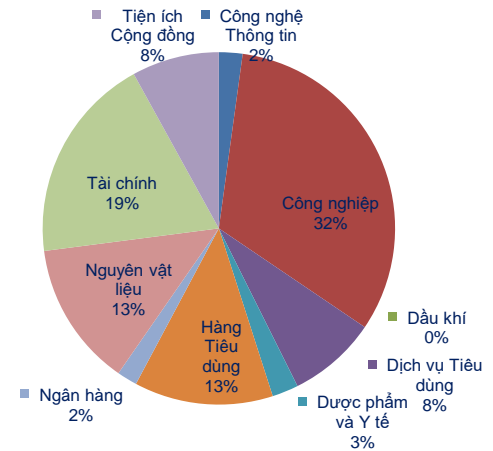
KLGD và HNX-Index trong phiên



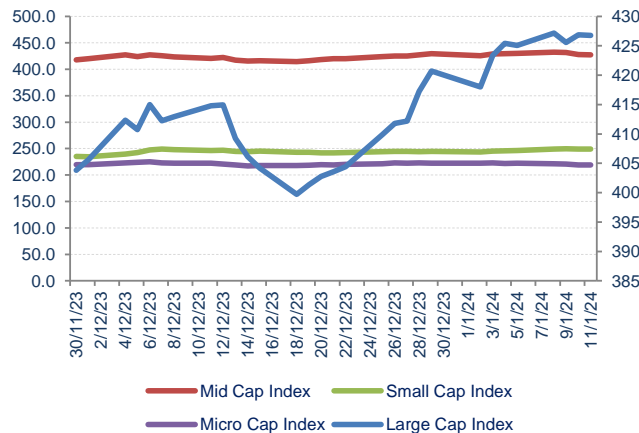
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



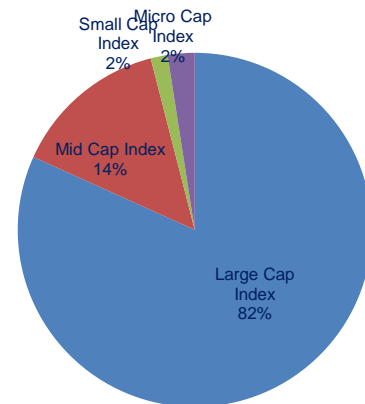
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ      Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ  
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ      Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



## HOSE

## HNX

## Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	ASM	3,804,500	FUEVFVND	2,311,800	1	IDC	1,119,500	SHS	3,595,600
2	OCB	3,471,130	PVD	1,554,955	2	MBS	207,100	PVS	459,840
3	VIX	2,564,560	VRE	1,465,000	3	TNG	62,100	NVB	63,600
4	DXS	2,502,000	SSI	1,258,149	4	VCS	30,200	BVS	46,600
5	VPB	2,494,000	HDG	1,012,100	5	SD9	11,800	CEO	41,100

## Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHB	12.00	12.10	↑ 0.83%	46,231,100	SHS	18.40	18.60	↑ 1.09%	20,108,538
VIX	16.70	17.20	↑ 2.99%	42,655,800	MBS	22.70	23.40	↑ 3.08%	7,660,532
HAG	13.25	14.10	↑ 6.42%	35,733,300	CEO	22.40	22.60	↑ 0.89%	7,479,203
VPB	19.60	19.65	↑ 0.26%	32,937,600	HUT	20.80	20.50	↓ -1.44%	6,509,016
MBB	20.90	20.65	↓ -1.20%	31,479,550	MBG	4.70	5.10	↑ 8.51%	5,526,236

## Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
DC4	11.55	12.35	0.80	↑ 6.93%	AMC	17.10	18.80	1.70	↑ 9.94%
PSH	7.80	8.34	0.54	↑ 6.92%	BED	20.70	22.70	2.00	↑ 9.66%
ST8	21.70	23.20	1.50	↑ 6.91%	TKU	11.00	12.00	1.00	↑ 9.09%
TTE	10.90	11.65	0.75	↑ 6.88%	KTT	3.40	3.70	0.30	↑ 8.82%
STG	48.90	52.20	3.30	↑ 6.75%	NTH	50.60	55.00	4.40	↑ 8.70%

## Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
RDP	10.10	9.40	-0.70	↓ -6.93%	DTK	12.00	10.80	-1.20	↓ -10.00%
COM	42.85	39.90	-2.95	↓ -6.88%	HJS	36.50	32.90	-3.60	↓ -9.86%
SMA	9.39	8.75	-0.64	↓ -6.82%	PRC	30.50	27.50	-3.00	↓ -9.84%
FDC	20.70	19.30	-1.40	↓ -6.76%	NFC	15.40	13.90	-1.50	↓ -9.74%
DTT	22.50	21.00	-1.50	↓ -6.67%	VSM	17.50	15.80	-1.70	↓ -9.71%

(\*) Giá điều chỉnh



## CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

## Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	46,231,100	15.9%	2,036	5.9	0.9
VIX	42,655,800	8.2%	1,005	16.6	1.3
HAG	35,733,300	18.6%	1,070	12.4	2.4
VPB	32,937,600	9.7%	1,471	13.3	1.1
MBB	31,479,550	22.4%	4,290	4.9	1.2

## Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	20,108,538	5.4%	643	28.6	1.5
MBS	7,660,532	10.4%	1,104	20.6	2.0
CEO	7,479,203	6.7%	955	23.5	1.8
HUT	6,509,016	0.8%	122	170.9	1.7
MBG	5,526,236	2.6%	283	16.6	0.4

## Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
DC4	↑ 6.9%	0.2%	26	443.9	1.0
PSH	↑ 6.9%	18.7%	2,559	3.0	0.5
ST8	↑ 6.9%	69.7%	7,932	2.7	2.1
TTE	↑ 6.9%	1.4%	152	71.6	1.0
STG	↑ 6.7%	8.3%	1,838	26.6	2.1

## Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
AMC	↑ 9.9%	10.5%	1,827	9.4	1.0
BED	↑ 9.7%	18.4%	2,430	8.5	1.5
TKU	↑ 9.1%	-2.7%	(323)	-	1.0
KTT	↑ 8.8%	-72.0%	(6,950)	-	1.8
NTH	↑ 8.7%	32.5%	5,435	9.3	3.1

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
ASM	3,804,500	3.0%	709	15.0	0.5
OCB	3,471,130	16.9%	2,201	6.6	1.1
VIX	2,564,560	8.2%	1,005	16.6	1.3
DXS	2,502,000	-1.9%	(269)	-	0.5
VPB	2,494,000	9.7%	1,471	13.3	1.1

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
IDC	1,119,500	17.0%	3,177	16.7	3.1
MBS	207,100	10.4%	1,104	20.6	2.0
TNG	62,100	13.4%	1,776	11.4	1.3
VCS	30,200	16.4%	5,102	11.1	1.8
SD9	11,800	1.7%	412	20.4	0.3

## Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	500,224	22.6%	6,013	14.9	3.1
BID	270,201	17.6%	3,450	13.7	2.3
VHM	185,931	25.0%	9,468	4.5	1.0
GAS	173,404	19.0%	5,283	14.3	2.8
VIC	166,712	2.7%	977	44.6	1.1

## Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
HUT	18,564	0.8%	122	170.9	1.7
IDC	17,490	17.0%	3,177	16.7	3.1
PVS	17,446	6.7%	1,846	19.8	1.3
SHS	14,962	5.4%	643	28.6	1.5
THD	13,513	2.9%	460	76.3	2.2

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
CTS	2.45	7.9%	1,020	28.1	2.1
GEX	2.43	2.0%	511	43.3	0.9
FCN	2.40	1.1%	232	63.3	0.7
QCG	2.35	-0.2%	(32)	-	0.6
FTS	2.30	14.4%	2,301	19.1	2.6

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

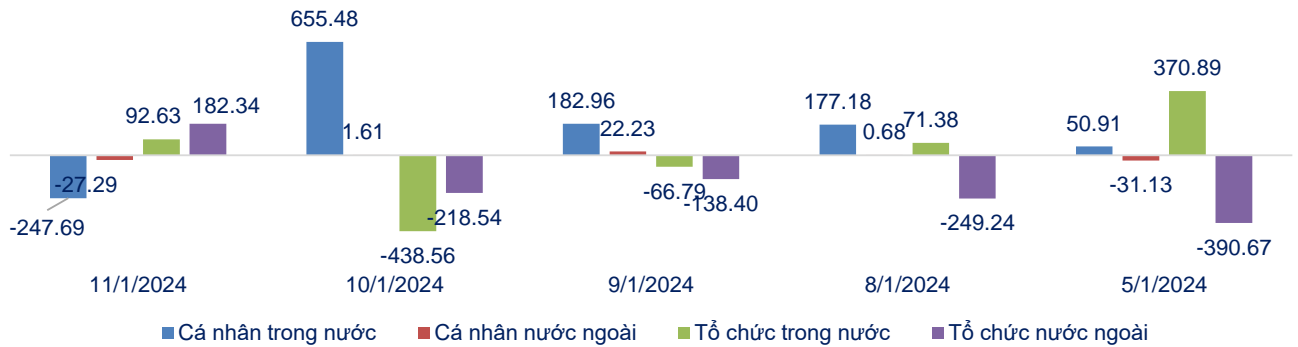
Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
VC7	2.95	6.2%	578	24.9	1.3
SHS	2.39	5.4%	643	28.6	1.5
VIG	2.28	6.8%	501	15.2	1.1
HUT	2.19	0.8%	122	170.9	1.7
MBS	2.12	10.4%	1,104	20.6	2.0





THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HNG	63.90	-111.2%	(2,922)	-	1.9
VHM	62.67	25.0%	9,468	4.5	1.0
SSI	53.03	8.9%	1,346	25.0	2.2
MWG	46.59	3.0%	476	88.8	2.7
PVD	41.69	3.0%	779	34.6	1.0

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	-100.52	17.5%	3,825	7.7	1.3
OCB	-83.28	16.9%	2,201	6.6	1.1
BWE	-68.27	15.2%	3,599	11.8	1.7
VPB	-65.10	9.7%	1,471	13.3	1.1
TCB	-60.43	14.2%	4,863	7.1	1.0

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SSB	4.44	12.2%	1,367	17.1	2.0
FIR	3.85	3.6%	421	34.0	1.2
VIC	2.20	2.7%	977	44.6	1.1
GAS	1.90	19.0%	5,283	14.3	2.8
DXG	1.86	-2.0%	(450)	-	0.9

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MBB	-31.83	22.4%	4,290	4.9	1.2
SSI	-5.18	8.9%	1,346	25.0	2.2
VIX	-4.62	8.2%	1,005	16.6	1.3
VCG	-4.51	2.8%	516	46.5	1.3
TCB	-2.94	14.2%	4,863	7.1	1.0

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
BWE	68.43	15.2%	3,599	11.8	1.7
TCB	60.43	14.2%	4,863	7.1	1.0
FUEVFVND	60.37	N/A	N/A	N/A	N/A
OCB	31.42	16.9%	2,201	6.6	1.1
STB	28.75	17.5%	3,825	7.7	1.3

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HNG	-64.64	-111.2%	(2,922)	-	1.9
ASM	-41.38	3.0%	709	15.0	0.5
VHM	-34.53	25.0%	9,468	4.5	1.0
NVL	-29.01	-1.4%	(309)	-	0.8
PLX	-22.89	11.9%	2,628	13.3	1.6

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	71.46	17.5%	3,825	7.7	1.3
HPG	58.29	1.9%	322	85.0	1.6
OCB	51.99	16.9%	2,201	6.6	1.1
VPB	49.27	9.7%	1,471	13.3	1.1
VIX	48.50	8.2%	1,005	16.6	1.3

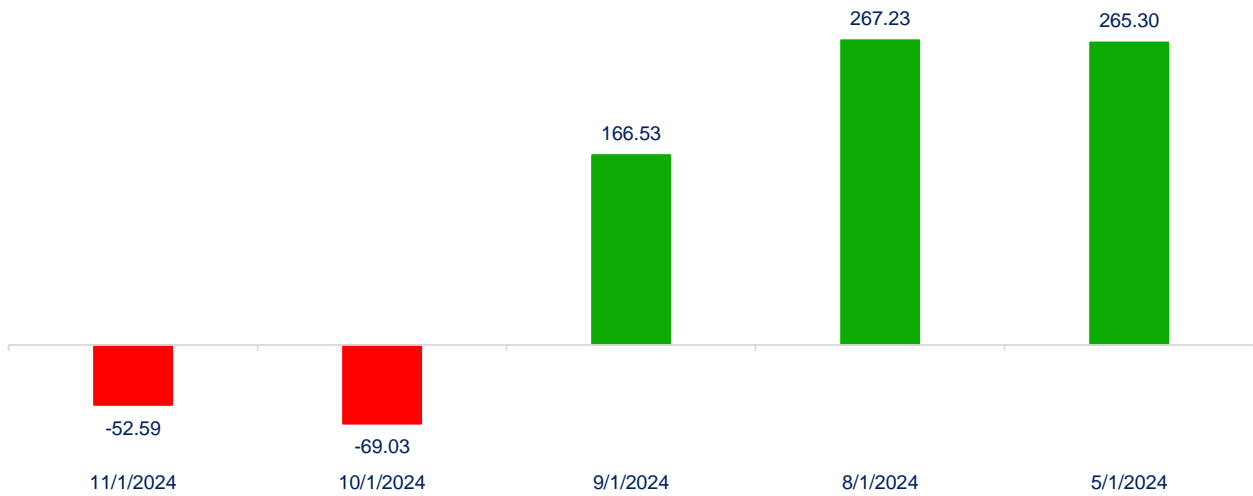
Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FUEVFVND	-61.76	N/A	N/A	N/A	N/A
PVD	-41.71	3.0%	779	34.6	1.0
SSI	-37.55	8.9%	1,346	25.0	2.2
VNM	-35.49	24.4%	4,029	16.8	4.1
VRE	-34.41	11.8%	1,818	12.8	1.4

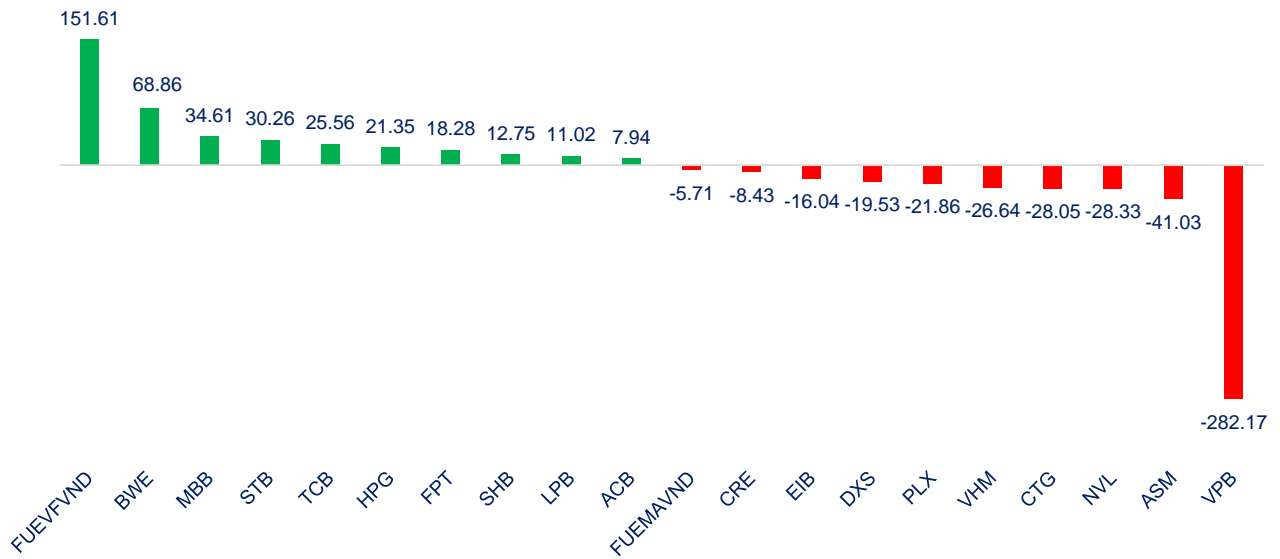


THÔNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

Chịu trách nhiệm nội dung:

**Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường**  
[cuong.hnv2@shs.com.vn](mailto:cuong.hnv2@shs.com.vn)

**Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật**  
[nhat.pt@shs.com.vn](mailto:nhat.pt@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên**  
[kien.bm@shs.com.vn](mailto:kien.bm@shs.com.vn)

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

### Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

#### Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,  
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,  
Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: 84.24.38181888  
Fax: 84.24.38181688  
Email: [contact@shs.com.vn](mailto:contact@shs.com.vn)

#### Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn  
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,  
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP  
HCM  
Tel: 84.28.39151368  
Fax: 84.28.39151369  
Email: [contact-hcm@shs.com.vn](mailto:contact-hcm@shs.com.vn)

#### Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,  
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh  
Trung, Quận Thanh Khê, Thành  
phố Đà Nẵng  
Tel: 84.236.3525777  
Fax: 84.236.3525779  
Email: [contact-dn@shs.com.vn](mailto:contact-dn@shs.com.vn)